

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn C, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn A, xã V, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn A, sinh năm: 1989

Địa chỉ thường trú: phường G, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ tạm trú: phường T, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn C và bà Nguyễn A.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn A thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Bà Nguyễn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là các cháu Nguyễn Tuệ M – sinh ngày 20/3/2016 và Nguyễn Bình A – sinh ngày 14/4/2020.

Ông Nguyễn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/con từ tháng 3/2026 cho đến khi các con Nguyễn Tuệ M và Nguyễn Bình A lần lượt đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, ông Nguyễn C và bà Nguyễn A có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn C phải nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về “ly hôn” và 150.000 đồng án phí về “cấp dưỡng” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000509 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, ông Nguyễn C đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Quy định chung: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1-Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường V, TP Hải Phòng;
(GCNKH số 23 ngày 05/5/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy Triều